

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phước

2. Ông Phan Hồng Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 570/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993; (có mặt)

Nơi cư trú: ấp HB, xã MH, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990; (có mặt)

Nơi cư trú: ấp HB, xã MH, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T1 cưới nhau vào năm 2012 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã MH vào ngày 18/4/2012. Sau khi kết hôn, chị và anh T1 sống ở xã MH và sống hạnh phúc đến khoảng 3 năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1

đi nhậu về đập đồ, bày bạc, không lo làm ăn dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Chị với anh T1 đã sống ly thân tháng 4 năm 2018 đến nay, trong thời gian ly thân, anh T1 có đến thăm con nhưng vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Nhận thấy không còn tình cảm với anh T1 và cũng không có khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có hai con chung Nguyễn Thị Bảo X, sinh ngày 26/9/2013 và Nguyễn Thiên Hoài, sinh ngày 03/6/2017 hiện nay đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Trần Văn T1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện cưới nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, anh vẫn lo làm ăn chăm lo cho gia đình. Anh đi làm thì có nhậu với những người làm chung, mỗi lần nhậu về thì chị T rất khó chịu hay kiếm chuyện cự cãi; khoảng tháng 4 năm 2018 anh có cho bạn 01 gói thuốc hút thì chị T cự cãi với anh và về nhà cha mẹ ở cho T1 nay. Anh cho rằng giữa anh và chị T không có xảy ra mâu thuẫn gì lớn và hiện anh còn thương vợ, con, nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thị Bảo X, sinh ngày 26/9/2013 và Nguyễn Thiên Hoài, sinh ngày 03/6/2017 hiện nay đang sống với chị T. Nếu Tòa án cho ly hôn, anh đồng ý để chị T nuôi con và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T1. Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Không có. Nợ chung: không có. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị đồng ý nộp.

- Anh Nguyễn Văn T1 đồng ý ly hôn với chị T. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi hai con chung Nguyễn Thị Bảo X, sinh ngày 26/9/2013 và Nguyễn Thiên Hoài, sinh ngày 03/6/2017, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không có.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- *Về thủ tục:* Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nhận thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung:* nhận thấy tại phiên tòa, hai bên thuận tình ly hôn và thỏa thuận được các vấn đề của vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên.

Từ các lời trình bày trên;

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và sự thỏa thuận của các bên tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét nhận định:

Chị T và anh T1 đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử công nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 213, 246 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 xác lập theo giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 18/4/2012 của Ủy ban nhân dân xã MH, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày ban hành Quyết định.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Thị Bảo X, sinh ngày 26/9/2013 và Nguyễn Thiên Hoài, sinh ngày 03/6/2017. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp anh T1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến

việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp của con và cấp dưỡng nuôi con.

3 Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị T nộp toàn bộ và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0020173 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã MH (B – Bến Tre);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Linh